

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 13-7-2020  
V/v: “ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Kim Trường Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Văn Cảnh.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn R, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

*Địa chỉ:* Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

*Bị đơn:* Bà Đặng Thị P, sinh năm 1968 (vắng mặt).

*Địa chỉ:* Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2020, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Ngô Văn R trình bày:*

Về hôn nhân: Ông Ngô Văn R và bà Đặng Thị P tự nguyện kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/1996. Ông R và bà P sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nay ông R xác định tình cảm vợ chồng không còn với bà P nên ông R làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông R được ly hôn với bà P.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn bà P để tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bà P và không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: Ông Ngô Văn R khai có hai con chung tên là Ngô Văn R1, sinh ngày 01/01/1992 và Ngô Văn Bé R2, sinh ngày 07/5/1998; hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ngô Văn R không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ngô Văn R khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, ông Ngô Văn R có đơn xin công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

- Ông Ngô Văn R khởi kiện bà Đặng Thị P về việc ly hôn. Hiện nay, bà Đặng Thị P, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ngày 11 tháng 5 năm 2020, ông Ngô Văn R có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ngô Văn R.

- Bà Đặng Thị P là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đặng Thị P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/11/1996, Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho ông Ngô Văn R và bà Đặng Thị P nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô Văn R và bà Đặng Thị P là hợp pháp. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng thường xuyên cãi nhau ngày càng gay gắt; do đó, ông R và bà P đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Ông R xác định tình cảm vợ chồng không còn với bà P và không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông R và bà P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của ông R có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Ngô Văn R khai có hai con chung tên là Ngô Văn R1, sinh ngày 01/01/1992 và Ngô Văn Bé R2, sinh ngày 07/5/1998; hiện nay các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Ngô Văn R không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Ngô Văn R khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Ngô Văn R phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn R đối với bà Đặng Thị P. Ông Ngô Văn R được ly hôn với bà Đặng Thị P.

2. Về con chung: Ông Ngô Văn R khai có hai con chung tên là Ngô Văn R1, sinh ngày 01/01/1992 và Ngô Văn Bé R2, sinh ngày 07/5/1998; hiện nay các con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Ngô Văn R không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Ngô Văn R khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Ngô Văn R phải nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0011452 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo tR hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND xã T, huyện G, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Lê Kim Trường Sơn**